Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1516.30.00

Mã HS	1516.30.00
Mô tả hàng hóa	Chất béo và dầu động vật, thực vật hoặc vi sinh vật và các phần phân đoạn của chúng, đã qua hydro hóa, este hóa liên hợp, tái este hóa hoặc elaiđin hóa toàn bộ hoặc một phần, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng chưa chế biến thêm / - Chất béo và dầu vi sinh vật và các phần phân đoạn của chúng
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	13/11/2026 16:23:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/15163000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2075
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2075
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2075
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	9	9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	9	9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	16,4	16,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.1	17,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2077
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2050
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2050
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2050
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2050
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2050
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2050
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E2080
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2080
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2080
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2080

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2080
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2080
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E2082
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F2082
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2082
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2082
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2082
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2082
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2084
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2052
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2052
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2052
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2052
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2052
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2052
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2052
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2050
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2050
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2050
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2050
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2050
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2050
VCFTA	2022	2022	5	VC!D2091
VCFTA	2023	2023	3	VC!E2091
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2091
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2091

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2091
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2091
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D2090
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E2090
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F2090
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2090
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2090
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2090
AHKFTA	2022	2022	18	AKH!D2096
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E2096
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F2096
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G2096
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H2096
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2096
EVFTA	2022	2022	18,1	EV-NK!D2055
EVFTA	2023	2023	15,9	EV-NK!E2055
EVFTA	2024	2024	13,6	EV-NK!F2055
EVFTA	2025	2025	11,3	EV-NK!G2055
EVFTA	2026	2026	9	EV-NK!H2055
EVFTA	2027	2027	6,8	EV-NK!I2055
UKVFTA	2022	2022	18,1	UKV!D2057
UKVFTA	2023	2023	15,9	UKV!E2057
UKVFTA	2024	2024	13,6	UKV!F2057
UKVFTA	2025	2025	11,3	UKV!G2057
UKVFTA	2026	2026	9	UKV!H2057
UKVFTA	2027	2027	6,8	UKV!I2057

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	12,5	CPTPP!D2057
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	9,3	CPTPP!E2057
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	6,2	CPTPP!F2057
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	3,1	CPTPP!G2057
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2057
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2057
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2057
RCEP A	2022	2022	27	RCEPT-A!D2082
RCEP A	2023	2023	24	RCEPT-A!E2082
RCEP A	2024	2024	21	RCEPT-A!F2082
RCEP A	2025	2025	18	RCEPT-A!G2082
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H2082
RCEP A	2027	2027	12	RCEPT-A!I2082
RCEP B	2022	2022	27	B!D2082
RCEP B	2023	2023	24	B!E2082
RCEP B	2024	2024	21	B!F2082
RCEP B	2025	2025	18	B!G2082
RCEP B	2026	2026	15	B!H2082
RCEP B	2027	2027	12	B!I2082
RCEP C	2022	2022	27	C!D2082
RCEP C	2023	2023	24	C!E2082
RCEP C	2024	2024	21	C!F2082
RCEP C	2025	2025	18	C!G2082
RCEP C	2026	2026	15	C!H2082
RCEP C	2027	2027	12	C!I2082
RCEP D	2022	2022	27,3	D!D2082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	24,5	D!E2082
RCEP D	2024	2024	21,8	D!F2082
RCEP D	2025	2025	19,1	D!G2082
RCEP D	2026	2026	16,4	D!H2082
RCEP D	2027	2027	13,6	D!I2082
RCEP E	2022	2022	27	E!D2085
RCEP E	2023	2023	24	E!E2085
RCEP E	2024	2024	21	E!F2085
RCEP E	2025	2025	18	E!G2085
RCEP E	2026	2026	15	E!H2085
RCEP E	2027	2027	12	E!I2085
RCEP F	2022	2022	27	F!D2082
RCEP F	2023	2023	24	F!E2082
RCEP F	2024	2024	21	F!F2082
RCEP F	2025	2025	18	F!G2082
RCEP F	2026	2026	15	F!H2082
RCEP F	2027	2027	12	F!I2082
VIFTA	2024	2024	25,7	VI!F1940
VIFTA	2025	2025	21.4	VI!G1940
VIFTA	2026	2026	17.1	VI!H1940
VIFTA	2027	2027	12.9	VI!I1940

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 1516.30.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 1516.30.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1516.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 1516.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2075), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.